

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty, Doanh nghiệp và Nhà cung cấp

Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm nguyên vật liệu và hóa chất với nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá:

(Chi tiết thông số kỹ thuật, quy cách đóng gói và số lượng cụ thể tại Phụ lục đính kèm thông báo này).

2. Hồ sơ báo giá bao gồm:

- Bảng báo giá (theo mẫu của đơn vị và có đóng dấu treo theo quy định pháp luật).

3. Yêu cầu đối với báo giá:

- **Hình thức báo giá:** Báo giá toàn bộ hoặc một phần danh mục hàng hoá tại phụ lục đính kèm.

- **Giá trị báo giá:** Giá thông báo đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, bốc xếp và giao hàng trọn gói đến trụ sở chính Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim tại số 79 An Trạch, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội.

- **Hiệu lực của báo giá:** Tối thiểu 30 ngày kể từ ngày ký phát hành báo giá.

- **Đồng tiền thanh toán:** Tiền đồng Việt Nam (VNĐ).

4. Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ báo giá:

- **Thời hạn tiếp nhận:** Trước 16 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 09 năm 2026.

- **Hình thức gửi hồ sơ:** (1) Nhận báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Mã YCBG: RQ2600045821); (2) Nhận trực tiếp bản cứng; (3) Gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện hoặc (4) Qua email tiếp nhận hồ sơ (theo quy định tại Địa điểm tiếp nhận hồ sơ).

- **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ:**

- Phòng Kế hoạch và Khoa học Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim.
- Địa chỉ: 79 An Trạch, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội.
- Số điện thoại: 024.38.232.986.
- Email: haips@vimluki.vn.

Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Hệ thống mạng đầu thâu Quốc gia;
- Đăng tải trên Website của VIMLUKI;
- Dán thông báo bảng;
- Lưu: VT, C2.

VIỆN TRƯỞNG 

 Tạ Dương Sơn

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG HOÁ YÊU CẦU BÁO GIÁ

(kèm theo Thông báo số: 339/TB-VML ngày 21/9/2026 của
Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim)

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện
1	Tấm nhựa Polypropylen	20	Tấm	màu ghi, tỉ trọng 0,91 g/cm ³ , kích thước liền khổ: 1220x2440 mm, độ dày 8mm	TP. Hà Nội
2	Thép hình V40	2000	kg	mác thép CT3, quy cách 40x40x3mm dài 6m, khối lượng 10kg/cây	TP. Hà Nội
3	Tấm titan cán nguội	100	kg	mác GR1, độ dày 1 mm, bề mặt nhẵn; Quy cách: dạng cuộn khổ rộng 600mm	TP. Hà Nội
4	Ống titan	24	Cái	mác GR2, đường kính 110 mm, độ dày 2 mm, dài 1,5m, chế tạo bằng phương pháp hàn	TP. Hà Nội
5	Dây hàn titan	20	kg	mác GR2, đường kính 2mm; Quy cách: dạng cuộn 10kg/cuộn	TP. Hà Nội
6	Que hàn nhựa Polypropylen	100	kg	Thông số kỹ thuật: màu ghi, dạng tam giác 3x3x5mm; Quy cách: dạng cuộn 5kg	TP. Hà Nội
7	Ốc M12x80 mm	20	Kg	vật liệu: titan mác GR2, chiều cao phần mũ: 7,5mm, chiều rộng đầu bu lông: 19mm, bước ren 1,75mm; Quy cách: hộp 100 cái	TP. Hà Nội
8	Ốc titan M8x40 mm	20	Kg	vật liệu: titan mác GR2, chiều cao phần mũ: 5,3mm, chiều rộng đầu bu lông: 13mm, bước ren 1,25mm; Quy cách: hộp 100 cái	TP. Hà Nội
9	Vải thủy tinh không dệt	100	kg	tiêu chuẩn 300g/m ² ; Quy cách: dạng cuộn khổ 1m, 30kg/cuộn	TP. Hà Nội
10	Vải thủy tinh dệt	100	kg	tiêu chuẩn 300g/m ² ; Quy cách: dạng cuộn khổ 1m, 30kg/cuộn	TP. Hà Nội
11	Graphit điện cực dạng tấm	285	kg	kích thước 500x700x10mm, tỉ trọng $\geq 1,6\text{g/cm}^3$, điện trở suất 7.0-7.5 $\mu\Omega\text{m}$	TP. Hà Nội
12	Graphite điện cực dạng thanh	30	Cái	kích thước f48x1500mm, tỉ trọng $\geq 1,6\text{g/cm}^3$, điện trở suất 7.0-7.5 $\mu\Omega\text{m}$	TP. Hà Nội
13	Thanh điện trở gia nhiệt bọc titan	10	Cái	dạng thẳng, kích thước: f38x800mm, có pad cố định bằng nhựa, công suất 4kW, điện áp 220V	TP. Hà Nội



STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện
14	Atomat 3 pha 40A	5	Cái		TP. Hà Nội
15	Khởi động từ 3 pha 40A	5	Cái		TP. Hà Nội
16	Thanh cái đồng bản 40x5mm	10	Cái	mác đồng C1100 hoặc tương đương; dạng thanh kích thước 40x5mm, dài 4m	TP. Hà Nội
17	Thanh cái đồng bản 20x3mm	20	Cái	mác đồng C1100 hoặc tương đương; dạng thanh kích thước 20x3mm, dài 4m	TP. Hà Nội
18	Dây cáp điện	80	Mét	loại cáp hàn lõi nhiều sợi, tiết diện lõi: 150mm ² , vỏ bọc cao su	TP. Hà Nội
19	Ống nhựa Polypropylen	1	Bộ	Gồm: Ống f25x2,3mm, số lượng 40m; Ống f63x5,8mm, số lượng 20m; Cút nối ống f25, số lượng 20 cái; Cút nối ống f63, số lượng 10 cái	TP. Hà Nội
20	Ống đo lưu lượng chất lỏng	5	Cái	bằng nhựa chịu axit, kiềm, chịu nhiệt độ lên đến 100°C, dải đo 0 - 100 lít/phút	TP. Hà Nội
21	Dây điện trở bọc silicon	2,0	Cái	công suất 100W ở điện áp 24V, chiều dài 2m, đường kính dây 2-3mm	TP. Hà Nội
22	Tấm graphit điện cực	4	Cái	dạng tấm kích thước 200x300x10mm; Tỷ trọng $\geq 1,6\text{g/cm}^3$; Điện trở suất 7.0-7.5 $\mu\Omega\text{m}$; Quy cách đóng gói: 10 cái/hộp	TP. Hà Nội
23	Tấm kẽm kim loại	4	Cái	chất lượng 99,95% Zn, cán phẳng, kích thước 200x300x1mm	TP. Hà Nội
24	Tấm titan kim loại	6	Cái	mác GR1, kích thước 200x300x1mm	TP. Hà Nội
25	Amoni cacbonat	190	Lọ	độ tinh khiết $\geq 99,5\%$; Quy cách đóng gói: Lọ 500g	TP. Hà Nội
26	Amoni clorua	248	Lọ	độ tinh khiết $\geq 99,5\%$, thành phần không hòa tan trong nước $\leq 0,005\%$; Quy cách đóng gói: Lọ 500g	TP. Hà Nội
27	Axit sunfuric	22	Lọ	hàm lượng H ₂ SO ₄ = 95 - 98 %, tổng tạp chất kim loại $\leq 0,001\%$; Quy cách đóng gói: lọ 500ml	TP. Hà Nội
28	Bột guar	10	Kg	độ tinh khiết 99%; Quy cách đóng gói: bao 25kg	TP. Hà Nội

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm thực hiện
29	Bột kẽm kim loại	10	Lọ	cỡ hạt $\leq 0,074\text{mm}$, hàm lượng Zn $\geq 90\%$; Quy cách đóng gói: Lọ 500g	TP. Hà Nội
30	Dầu, mỡ bôi trơn	5	kg	Dầu, mỡ bôi trơn	TP. Hà Nội
31	Dung dịch amoniac	235	Lọ	nồng độ $\geq 25\%$; Tạp chất: Cl $\leq 0,5\text{ppm}$, $\text{SO}_4 \leq 2\text{ppm}$, S $\leq 0,2\text{ppm}$, Fe $\leq 0,1\text{ppm}$; Quy cách đóng gói: Lọ 500ml	TP. Hà Nội
32	Dung dịch oxy già	20	Lọ	hàm lượng $\text{H}_2\text{O}_2 \geq 30\%$, chất rắn còn lại sau khi hóa hơi $\leq 0,005\%$; Quy cách đóng gói: lọ 500ml	TP. Hà Nội
33	Keo da trâu	12	Kg	công thức hóa học $\text{C}_{102}\text{H}_{151}\text{O}_{39}\text{N}_{31}$, dạng hạt kích thước 3-5mm; Quy cách đóng gói: Bao 25kg	TP. Hà Nội
34	Natri cacbonat	20	Lọ	độ tinh khiết $\geq 99,8\%$; Quy cách đóng gói: Lọ 500g	TP. Hà Nội
35	Khí Argon dùng cho hàn TIG	5	Cái	Loại khí: Argon - 263, dung tích 40 lít, độ tinh khiết 99,6%, áp suất nạp 150 -200 Bar	TP. Hà Nội
36	Sơn chống gỉ	20	kg	Sơn chống gỉ	TP. Hà Nội
37	Keo Composite	200	kg	chủng loại Polyester 8201, màu hồng nhạt, khối lượng riêng $1,13\text{g/cm}^3$, thời gian đóng rắn 20-25phút; Quy cách: đóng can 20 lít	TP. Hà Nội
38	Polyethylene glycol	12	Lọ	khối lượng phân tử 3600-4400, pH=5-7; Quy cách đóng gói: Lọ 500g	TP. Hà Nội